

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **368/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 10 tháng 12 năm 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Ánh.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị Ngọc A**, sinh năm 1997;
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh T.
2. Bị đơn: Anh **Lê Văn P**, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh T.

(Vắng mặt chị A, có mặt anh P)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phùng Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Lê Văn P chung sống với nhau vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T vào ngày 22/6/2020. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo cho vợ con, chửi bới và xúc phạm cha mẹ chị. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Trà M, sinh ngày 10/01/2021, đang sống với chị và cha mẹ ruột của chị. Chị đi làm ở siêu thị V để kiếm tiền nuôi con. Tiền lương và thưởng của chị là 7.000.000đồng/tháng. Chị đang xin về tỉnh T để làm. Từ khi ly thân, anh P không có cấp dưỡng và không tới lui thăm nom con. Chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ngày 16/11/2021, chị có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn P trình bày: Anh không đồng ý ly hôn với chị A do anh thương con chứ không còn thương vợ. Anh yêu cầu đưa vụ án ra xét xử, không yêu cầu hòa giải nữa.

Về con chung: Có 01 con chung là Lê Trà M, sinh ngày 10/01/2021. Anh yêu cầu được nuôi con, yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng do chị A không có trách nhiệm với con, bỏ con đi làm ở Thành phố H. Hiện anh đang tạm nghỉ làm do dịch bệnh, trước đây anh làm xây dựng với mức lương là 15.000.000 đồng/tháng. Anh không đến thăm nom con là do anh và gia đình vợ đang mâu thuẫn.

Về tài sản chung: Anh có ý kiến là vàng ai đang giữ thì tiếp tục giữ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Chị A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

- Anh Phương trình bày: Vợ chồng đã mâu thuẫn từ khi cưới nhau là do chị A có quan hệ với người đàn ông khác, không cho anh chở đi làm. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay. Tại phiên hòa giải anh trình bày không đồng ý ly hôn với chị A do anh thương con nhưng không còn thương vợ, nay anh thay đổi ý kiến là anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh có cấp dưỡng cho con hai tháng, từ khi cháu sinh ra là tháng 01/2021 đến khi ly thân là tháng 3/2021 thì anh không cấp dưỡng nữa. Trước đây anh làm xây dựng ở Thành phố H, anh sẽ tìm việc làm ở tỉnh T, anh không đồng ý giao con cho chị A nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi con, yêu cầu chị A cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và đương sự từ khi thụ lý vụ án cho

đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị Ngọc A do anh P đồng ý ly hôn với chị A nhưng chị A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Cháu Lê Trà M, sinh ngày 10/01/2021 chưa đủ 36 tháng tuổi, là bé gái đang sống với chị A và cha mẹ ruột của chị A nên giao cháu M cho chị A nuôi dưỡng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tài sản chung: Chị A và anh P có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh P nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Ngày 08/12/2021, nguyên đơn chị Phùng Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Ngọc A và anh Lê Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị A và anh P là hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, tại phiên hòa giải anh trình bày không đồng ý ly hôn với chị A do anh thương con nhưng không còn thương vợ nhưng tại phiên tòa anh P đồng ý ly hôn với chị A. Chị A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Lê Trà M, sinh ngày 10/01/2021. Chị A yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, song song với việc chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con thì chị A phải đi làm để đảm bảo cuộc sống của chị và con. Anh P không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị A có hành vi ngược đãi hay không chăm sóc tốt cho con. Cháu M dưới 36 tháng tuổi, đang sống ổn định với chị A và gia đình chị A. Vì vậy để đảm bảo cho sự phát

triển toàn diện, ổn định về tâm lý của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho chị A nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị A yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Xét thấy, chị A có quyền yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên và mức cấp dưỡng chị A yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của chị A được Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 83, Điều 110 và điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Ngày 16/11/2021, chị có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về tài sản chung của chị A. Nếu sau này chị khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.4] Nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 228, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Ngọc A.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị Ngọc A được ly hôn với anh Lê Văn P.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trà M, sinh ngày 10/01/2021 cho chị Phùng Thị Ngọc A nuôi dưỡng, anh Lê Văn P cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng.

Thời gian thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ bản án có hiệu lực pháp luật, chị A có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh P chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Lê Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về tài sản chung của chị Phùng Thị Ngọc A.

2. Về án phí:

Chị Phùng Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị A đã nộp 1.455.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004936, 0004937 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên được trả lại 1.155.000 đồng.

Anh Lê Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

3. Về quyền kháng cáo: Anh P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã T, h. Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Huyền Ni